

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án Bến cảng Quốc tế Sao Biển – Giai đoạn 1 tại
thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường dự án Bến cảng Quốc tế Sao Biển – Giai đoạn 1 tại thị
xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại văn bản số 285/STNMT-CCBVMT ngày
15 tháng 01 năm 2021 kèm theo Biên bản tổng hợp ý kiến thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Bến cảng
Quốc tế Sao Biển – Giai đoạn 1 tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã
được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 38/6/2021/CV-SB đề tháng 6 năm
2021 của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
4602/TTr-STNMT ngày 12 tháng 7 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Bến cảng Quốc tế Sao Biển – Giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế

Sao Biển làm Chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.
2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuân theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cty CP Cảng Quốc tế Sao Biển - Chủ đầu tư dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Mỹ Xuân;
- Chi cục BVMT;
- TTCNTT Sở TNMT (đăng tải trên trang TTĐT Sở TNMT);
- Lưu: VT, HS, KT7.

(5)

KT **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN BẾN CẢNG QUỐC TẾ SAO BIỂN - GIAI ĐOẠN 1

(Kèm theo Quyết định số .20.3.4./QĐ-UBND ngày .2.6. tháng 7. năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Bến cảng Quốc Tế Sao Biển - Giai đoạn 1.

1.2. Chủ đầu tư dự án

- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển.
- Địa chỉ: Cảng Quốc tế Sao Biển, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Điện thoại: 028.35128866. Fax: 02854458299

1.3. Phạm vi, quy mô công suất dự án

- Quy mô: Xây dựng bến cập tàu, kho, bãi và cơ sở hạ tầng để tiếp nhận tàu trọng tải đến 30.000 DWT xuất nhập hàng hoá.
- Xuất nhập hàng hoá (hàng tổng hợp và than); không tiếp nhận lưu chứa các loại hoá chất độc hại, dung môi hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.
- Nạo vét luồng vào, vũng quay tàu và khu nước trước bến với khối lượng nạo vét khoảng 995.250 m³.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Diện tích đất sử dụng giai đoạn 1: Khoảng 18,48 ha. Tổng diện tích khu đất toàn dự án khoảng 68,04ha (theo Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh).

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án

- Bến tàu 30.000 DWT, bến sà lan 2.500T, cầu dẫn.
- Kè bảo vệ bờ biển dài 280m.
- Nhà kho hàng tổng hợp (01 kho), diện tích 4.000 m²; Kho chứa than kín (02 kho), diện tích 6.000 m²/kho; Khu bãi chở hàng tổng hợp 43.482 m².
- Nạo vét luồng vào, vũng quay tàu và khu nước trước bến với khối lượng nạo vét khoảng 995.250 m³. Vật chất nạo vét được sử dụng để san lấp khu đất thực hiện dự án trong giai đoạn 2, 3 theo văn bản số 13420/UBND-VP ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh.

1.5. Công nghệ sản xuất

1.5.1. Quy trình xuất nhập hàng tổng hợp

- Đối với hàng bao kiện: Các cần cầu vận năng sẽ được bố trí trên bến hoặc sử dụng cần cầu trên tàu để bốc dỡ hàng bao kiện. Trên cảng sử dụng xe nâng hàng kết hợp với xe tải để vận chuyển hàng từ tàu vào kho, bãi hoặc vận chuyển trực tiếp đến chủ hàng.

- Đối với hàng rời: Các cần cầu vận năng sẽ được bố trí trên bến hoặc sử dụng cần cầu trên tàu để bốc xếp hàng rời (vật liệu xây dựng ...). Hàng rời sẽ được rót xuống xe tải thông qua phễu có bộ lọc, hệ thống phun nước khi cần thiết để giảm bụi, vận chuyển chứa trong kho, bãi hoặc vận chuyển trực tiếp đến chủ hàng. Trên bãi/kho sử dụng xe xúc hàng lên xe ô tô vận chuyển đến chủ hàng.

1.5.2. Quy trình xuất nhập hàng than

- Quá trình nhập hàng tại bến cảng: Hàng than đã được bốc xếp bằng cần cầu tàu hoặc cần trục vận năng đặt trên bến nhập vào phễu di động và xả xuống hệ thống băng tải kín. Sau đó hệ thống băng tải kín sẽ trút than xuống khu vực sàng nghiền kín, bố trí 02 trạm sàng nghiền than kín có công suất 250 T/h/thiết bị để sàng nghiền có kích thước khoảng 0-15mm, hoặc theo các kích thước yêu cầu của khách hàng.

Đối với khu vực sàng nghiền, đây là khu vực sàng nghiền kín. Than sau khi được sàng nghiền sẽ được lưu trữ tại kho kín đảm bảo không làm phát sinh bụi, ảnh hưởng đến môi trường.

- Quá trình xuất hàng tại bến cảng: Hàng than tại kho than sẽ được các xe cuốc bốc than lên các xe tải sẽ chờ sẵn tại kho, sau đó vận chuyển đến khách hàng bằng đường bộ hoặc xe tải chuyển ra bến xả lan thông qua hệ thống băng tải di động kín chuyển xuống sà lan xuất bằng đường thủy.

(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Giai đoạn	Nguồn gây tác động	Tác động môi trường có khả năng phát sinh
I. Giai đoạn xây dựng	Giải phóng, san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn	Phát sinh bụi từ quá trình san lấp, bãi chứa vật liệu. Mùi và bụi từ quá trình lưu chứa vật chất nạo vét sử dụng làm vật liệu san lấp
	Vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc thiết bị phục vụ thi công	Tiếng ồn và khí thải từ thiết bị, phương tiện vận chuyển Ảnh hưởng đến hệ thủy sinh dưới nước
	Hoạt động nạo vét và bơm vật chất nạo vét	Gia tăng độ đục của nước
	Thi công xây dựng	Phát sinh khối lượng rác hữu cơ, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường.



Giai đoạn	Nguồn gây tác động	Tác động môi trường có khả năng phát sinh
	Sinh hoạt của công nhân xây dựng	Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt. Sự cố cháy nổ, tràn dầu...
II. Giai đoạn vận hành	Hoạt động của tàu đến bến Hoạt động nhập / xuất hàng hóa Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại kho/bãi Sinh hoạt của nhân viên và khách hàng đến cảng	Chất thải các loại trên tàu (Nước dẫn tàu, nước thải sinh hoạt từ tàu, rác thải ..) Tiếng ồn và khí thải, bụi từ tàu thuyền, phương tiện vận chuyển Bụi, tiếng ồn, khí thải, dầu mỡ rò rỉ từ thiết bị làm hàng, vận chuyển hàng hóa. Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt Phát sinh nước thải sinh hoạt Phát sinh chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Sự cố về cháy nổ, tràn dầu, hệ thống xử lý nước thải, ...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Nước thoát ra từ bãi chứa vật chất nạo vét, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng. Nước vệ sinh xe ra khỏi công trường, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng lớn, dầu mỡ.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân. Thành phần chủ yếu: chất ô nhiễm hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli), các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS); lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trung bình từ 8 – 32 m³ tùy theo từng giai đoạn xây dựng dự án.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt khoảng 19,2 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: chất ô nhiễm hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli), các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS).

- Nước thải rửa xe trước khi ra khỏi cảng phát sinh khoảng 11,7 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn than.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động tiêu thụ nhiên liệu (chủ yếu là dầu diesel) của các phương tiện cơ giới, thiết bị phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng và lắp đặt, quá trình san lấp và khu vực chứa vật liệu xây dựng; Mùi và bụi

phát sinh do quá trình lưu giữ vật chất nạo vét. Thành phần khí thải gồm: TSP, CO, NO_x, SO₂, CH₄.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Khí thải từ hoạt động tàu cập bến cảng làm hàng, từ hoạt động của xe tải và thiết bị bốc xếp trên bến cảng, thành phần gồm: TSP, CO, NO_x, SO₂, CH₄
- Bụi phát sinh từ các hoạt động làm hàng than (xuất nhập, vận chuyển hàng than, xúc, bốc than tại khu vực sàng nghiền).
- Bụi phát sinh từ các hoạt động lưu giữ hàng khác tại bến cảng

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Khối lượng bóc hữu cơ khoảng 167.800 m³.
- Chất thải rắn sinh hoạt: Thức ăn, chai, lọ, lon rỗng, giấy phế liệu... phát sinh từ các hoạt động của người lao động hàng ngày khoảng 135 tấn.
- Chất thải rắn xây dựng: Bê tông, gạch, đá, vật liệu dư thừa như gỗ, kim loại, thùng giấy, nylon... khoảng 55 tấn.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên: thức ăn, chai, lọ, lon rỗng, giấy phế liệu... khoảng 110kg/ngày.
- Chất thải rắn công nghiệp: vật liệu rơi vãi, vật liệu thừa trong quá trình hoạt động và làm hàng gồm các loại giấy báo, thùng carton, một số kim loại,... phát sinh dự kiến khoảng 200 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Chất thải nguy hại giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng như que hàn, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm dầu mỡ, sơn, mực in, Bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải... khoảng 15kg/ngày.

2.5.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại giai đoạn vận hành như giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm dầu mỡ, sơn, mực in, bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải, các thiết bị, linh kiện điện tử thải có các thành phần nguy hại ... phát sinh dự kiến khoảng 50 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí khoảng 4 nhà vệ sinh lưu động loại lưu nước có tầng chứa cỡ 10m³, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.



- Nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe: Bố trí khu rửa xe trước khi ra khỏi công trường phải nằm bên trong khu vực dự án, ngay cạnh cổng ra vào công trường, bên trong khu vực có rãnh thu nước và bộ phận tách dầu. Tại vị trí cổng dự kiến sẽ bố trí mương thoát nước có lưới chắn rác và có thể tích $6,75 \text{ m}^3$, được chia làm 3 ngăn gồm ngăn chứa, ngăn lắng và lọc, tại ngăn chứa có bố trí hệ thống tách dầu, thời gian lưu nước 24 giờ. Sau khi nước được lắng cặn sẽ thoát ra sông Thị Vải.

- Nước thoát ra từ bãi tiếp nhận vật chất nạo vét: Bố trí hệ thống bờ bao theo đúng thiết kế đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có ý kiến tại văn bản số 117/SNN-CCTL ngày 12/01/2021. Toàn bộ nước từ vật chất nạo vét qua hệ thống bể lắng, lọc, cửa tràn, cửa xả trước khi thoát ra sông Thị Vải. Nước thoát ra môi trường đạt QCVN 40:2011/BTNMT-Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Cảng không tiếp nhận các loại nước thải từ tàu. Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu (nước cặn đáy tàu, nước vệ sinh khoang tàu) và các loại nước thải khác phát sinh trên tàu được phân loại, thu gom và lưu giữ, xử lý theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Nước thải lẫn dầu từ quá trình rửa xe trước khi ra khỏi cảng: Tại vị trí rửa xe trước khi ra khỏi cảng sẽ bố trí mương lắng lọc có kích thước $6 \times 3 \times 2 \text{ m}$, có lưới chắn rác, thể tích 36 m^3 , được chia làm 3 ngăn gồm ngăn chứa, ngăn lắng và lọc, tại ngăn chứa có bố trí hệ thống tách dầu. Sau khi nước được lắng cặn sẽ được dẫn vào hệ thống lắng, lọc nước mưa chảy tràn của bến cảng.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bụi than:

Tại khu vực bến và cầu dẫn bố trí hệ thống mương thoát nước thu gom toàn bộ nước nhiễm than, bụi và dầu rò rỉ từ các thiết bị hoạt động vào 04 bể chứa đặt trên bến và cầu dẫn có dung tích khoảng $30 \text{ m}^3/\text{bể}$, sau đó được đưa về hệ thống mương lắng đến khu lọc nước nhiễm than.

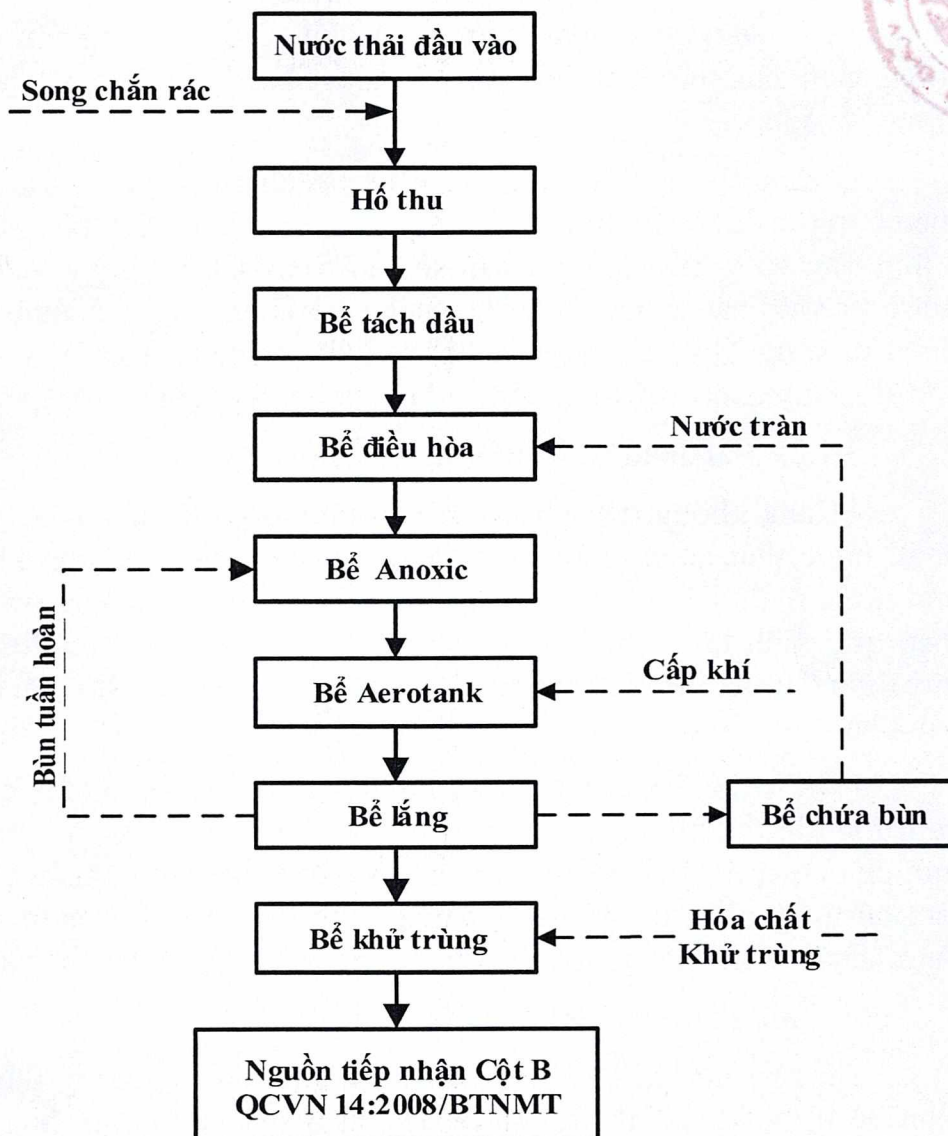
Trên khu vực bến cảng, lượng nước mưa chảy tràn được thu gom thông qua hệ thống mương lắng bao quanh khu vực kho, bãi, sau đó được dẫn và thu gom vào khu lọc nước nhiễm than.

Khu lọc nước nhiễm than có kích thước $5,0 \times 40 \times 2,5 \text{ m}$ bao gồm: khu máy bơm, khu bể lọc kết nối với mương lắng. Trong đó, bể lọc than có kích thước $3,4 \times 32 \text{ m}$ được bố trí 03 lớp lọc (lọc cát, sỏi, vải địa kỹ thuật). Nước mưa sau lọc bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và sẽ thoát ra sông Thị Vải.

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng bể tự hoại của từng công trình sau đó được dẫn về trạm xử lý ước thải sinh hoạt công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Vị trí đầu nối xả nước thải: nước thải sau khi xử lý đạt Cột B -

QCVN 14-MT:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ thoát ra sông Thị Vải.

- Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt:



3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Tất cả các thiết bị phải trong tình trạng hoạt động tốt và định kỳ kiểm tra, bảo trì trước khi di chuyển tập kết tại công trường.

- Các phương tiện vận chuyển và thiết bị xây dựng sử dụng dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Bố trí cán bộ chuyên trách phụ trách công trường, bố trí cán bộ chịu trách nhiệm quản lý phương tiện để đảm bảo an toàn an ninh và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trước, trong và sau khi thi công.

- Cung cấp, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động.



- Sử dụng bạt che phủ đối với các xe tải chở đất đá, vật liệu xây dựng bảo đảm không để phát sinh bụi và vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển và tại công trường. Các xe chở vật liệu hoặc đất đá loại phải là xe chuyên dụng có nắp thùng

- Phun nước làm ẩm tại khu vực bốc dỡ và lưu giữ nguyên vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

- Sử dụng bạt che phủ tại khu vực chứa, tập kết nguyên vật liệu để tránh bụi phát tán.

- Quy định vận tốc hợp lý (dưới 20km/giờ) cho các loại xe di chuyển trong phạm vi công trường.

- Phun rửa bánh xe bằng nước khi xe ra khỏi công trường.

- Công tác san lấp và khu vực di chuyển thiết bị, xe trong công trường: phun nước làm ẩm nhưng không tạo lầy lội khu vực xung quanh.

- Đối với việc lưu chứa vật chất nạo vét: Trường hợp phát sinh mùi, bụi trong quá trình lưu chứa, tại các ngăn chứa sẽ được che phủ bằng bạt kín.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Hàng than đá được bốc xếp bằng cần cẩu tàu hoặc cần trục vận năng đặt trên bến nhập vào phễu di động và xả xuống hệ thống băng tải kín. Sau đó hệ thống băng tải kín sẽ trút than xuống khu vực sàng nghiền kín, than sau khi được sàng nghiền sẽ được lưu trữ tại kho kín.

- Quá trình xuất hàng tại bến cảng: than được vận chuyển bằng xe tải chuyên dụng có nắp thùng hàng kín từ khu kho than kín ra bến sà lan để xuất hàng than thông qua hệ thống băng tải di động kín.

- Thiết kế và đưa hệ thống phun sương giảm bụi vào sử dụng cho toàn bộ khu vực sàng nghiền than kín, kho chứa than kín, và kết hợp phương án trồng cây xanh cách ly nhằm bảo đảm và ngăn ngừa bụi phát sinh ra ngoài khu vực dự án.

- Máy móc thiết bị phải được kiểm tra, bảo dưỡng theo định kỳ để bảo đảm tình trạng làm việc tốt nhất.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về ngăn ngừa ô nhiễm không khí do tàu thuyền gây ra tại Công ước MARPOL.

- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho các công nhân vận hành máy và làm việc trực tiếp tại bến.

- Sử dụng bạt che phủ kín đối với các xe tải chở hàng hóa.

- Phun rửa bánh xe bằng nước khi xe ra khỏi bến cảng.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực bốc xếp hàng tại bến và trên tuyến vận chuyển, có biện pháp thu gom và xử lý hàng hóa rơi vãi trong khu vực dự án.

- Quy định vận tốc hợp lý (dưới 20km/giờ) cho các loại xe di chuyển trong phạm vi dự án nhằm giảm tối đa bụi phát sinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Phần hữu cơ (cành cây, lá, rễ cây, ...) phát sinh từ hoạt động bóc hữu cơ được vận chuyển đem đi xử lý theo quy định. Phần còn lại xử lý làm vật liệu san lấp cho giai đoạn sau.

- Chất thải rắn sinh hoạt: được phân loại, thu gom vào các thùng chứa. Hàng ngày, chất thải này sẽ được đưa về nhà chứa rác có mái che (hoặc container), chuyển giao cho các đơn vị chức năng định kỳ thu gom và mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: được thu gom vào nhà chứa có mái che (hoặc container), chuyển giao cho các đơn vị chức năng định kỳ thu gom và mang đi xử lý theo quy định: Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng như bê tông, gạch vụn, sắt thép thừa, ... được thu gom và chuyển giao đến các cơ sở để tái chế, tái sử dụng; Chất thải rắn xây dựng không có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ được thu gom và chuyển giao đến các cơ sở có chức năng xử lý.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng đựng rác có ký hiệu nhận biết và đặt trong khu vực bến cảng để chứa và thu gom định kỳ đưa về trạm thu gom rác có ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt là 2,5x5 m. Sau đó lượng rác thải này sẽ được các đơn vị chức năng định kỳ thu gom và mang đi xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: sẽ được thu gom vào các thùng đựng rác có ký hiệu nhận biết và vận chuyển tập trung về khu vực riêng biệt tại trạm thu gom rác có ngăn chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường là 2,5x5 m. Sau đó lượng rác thải này sẽ được các đơn vị chức năng định kỳ thu gom và mang đi xử lý.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong toàn bộ các hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 159/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 11 năm 2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- CTNH được phân loại, thu gom vào các thùng chứa riêng biệt. Hàng ngày, chất thải này sẽ được đưa về nhà chứa CTNH có mái che (hoặc container),

chuyển giao cho các đơn vị chức năng định kỳ thu gom và mang đi xử lý theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- CTNH được thu gom vào các thùng đựng rác có ký hiệu nhận biết CTNH và vận chuyển tập trung về khu vực riêng biệt tại trạm thu gom rác có ngăn chứa CTNH là 5x5 m. Sau đó lượng rác thải này sẽ được các đơn vị chức năng định kỳ thu gom và mang đi xử lý.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong toàn bộ các hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Việc rà phá bom, mìn được thực hiện bởi đơn vị chuyên nghiệp được cấp giấy phép thực hiện công tác rà phá bom mìn, đảm bảo tuân thủ theo các quyết định, quy định, hướng dẫn hiện hành.

- Máy móc thiết bị phải được kiểm tra, bảo dưỡng theo định kỳ để bảo đảm tình trạng làm việc tốt nhất.

- Hạn chế sử dụng các thiết bị có độ ồn cao trong các giờ nghỉ ngơi.

- Không sử dụng đồng thời các thiết bị, phương tiện có độ ồn cao, tránh bị cộng hưởng do tiếng ồn.

- Lập kế hoạch, bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại của các xe tải cho phù hợp, tránh gây ùn tắc giao thông khu vực, và tránh hoạt động quá nhiều trong các giờ cao điểm.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Lập kế hoạch, bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại của các xe tải, tránh hoạt động quá nhiều trong các giờ cao điểm.

- Bố trí khu vực dừng đỗ chờ làm hàng trong khu vực bến cảng, tránh dừng đỗ trên tuyến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải.

- Máy móc thiết bị phải được kiểm tra, bảo dưỡng theo định kỳ. Hạn chế sử dụng các thiết bị có độ ồn cao trong các giờ nghỉ ngơi.

- Không sử dụng đồng thời các thiết bị, phương tiện có độ ồn cao, tránh bị cộng hưởng do tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho các công nhân vận hành máy và làm việc trực tiếp tại cảng.

3.5.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình thi công, vận hành Dự án. Bố trí mặt bằng trong khu vực cảng để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tới khu vực xung quanh.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục có liên quan về phòng cháy chữa cháy theo quy định. Thiết lập hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) trên toàn cảng, tuyên truyền, huấn luyện lực lượng PCCC, thường xuyên kiểm tra, bổ sung, duy trì thực hiện công tác bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy. Thường xuyên tập huấn về PCCC để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Duy trì việc kiểm tra toàn bộ hệ thống điện để phát hiện và xử lý sự cố kịp thời, ngăn chặn nguy cơ gây cháy, nổ. Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Có nội quy, quy định cụ thể về chế độ túc trực đảm bảo trong ngày luôn phải có lực lượng bảo vệ túc trực tại kho để kịp thời xử lý khi có sự cố.

- Khu vực sàng nghiền than kín, kho chứa than kín được thiết kế phù hợp cho hoạt động PCCC và không làm phát sinh bụi than ra môi trường, bố trí trang thiết bị PCCC, có phương án PCCC theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy.

- Trang bị các thiết bị sơ cấp cứu để kịp thời sơ cứu khi xảy ra các trường hợp tai nạn.

3.6.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu

- Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự và ký hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xử lý tràn dầu cùng phối hợp với cảng để xử lý các sự cố dầu tràn nếu xảy ra, các trang thiết bị cần thiết cho việc ứng cứu dầu tràn.

- Các thiết kế và tính toán phải tính đến các trường hợp sự cố.

- Báo động có sự cố xảy ra cho đội ứng phó sự cố tràn dầu của công ty, đơn vị dịch vụ ứng phó và triển khai các thiết bị ứng phó đến ngay vị trí xảy ra sự cố tràn dầu. Cập nhật các diễn biến sự cố nhằm kịp thời thông báo đến ban quản lý bên cảng. Trong trường hợp cần thiết sẽ huy động toàn bộ nhân lực cũng như thiết bị trên bến cảng tham gia vào công tác ứng cứu. Thông báo đến các cơ quan chức năng để nhận được chỉ dẫn cũng như hỗ trợ. Lên kế hoạch để xử lý dầu cũng như nước bị nhiễm dầu thu hồi được và bồi thường các thiệt hại theo quy định.



3.6.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sụt lún kè bảo vệ bờ

- Kè bảo vệ bờ được thiết kế và tính toán đạt ổn định trong quá trình san lấp, xử lý nền. Đồng thời được các cơ quan chức năng thẩm định các thiết kế theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Phối hợp thường xuyên kiểm tra và giám sát công tác thi công kè bảo vệ bờ, bờ bao khu chứa vật liệu nạo vét, san lấp xử lý nền theo đúng yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo an toàn.

- Khi có sự cố vỡ kè bờ phải xác định nhanh vị trí xảy ra sự cố và dừng ngay việc thi công đổ cát lên bãi chứa cần san lấp. Đồng thời điều động nhân lực xử lý nhanh, đắp lại khu vực kè bị vỡ không để phát triển thêm.

- Thường xuyên kiểm tra, trường hợp cụ thể có thể quan trắc các chuyển vị đến khi hoàn thành công trình cũng như trong quá trình hoạt động của bến cảng.

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Bố trí máy phát điện cho trạm xử lý nước thải tập trung; thường xuyên theo dõi vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của trạm xử lý, đảm bảo trạm xử lý vận hành đúng công suất; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Tên công trình	Số lượng	Quy mô/công suất
I	Công trình xử lý nước thải		
1	Hệ thống thu gom, lắng lọc nước mưa nhiễm than	01 hệ thống	04 bể chứa đặt trên bến và cầu dẫn có dung tích khoảng 30 m ³ /bể Bể lọc than kích thước 3,4 x 32 m bố trí 03 lớp lọc (cát, sỏi, vải địa hình).
2	Hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt	01 hệ thống	Trạm xử lý nước thải 20 m ³ /ngày.đêm.
3	Thu gom nước thải lẫn dầu từ quá trình rửa xe trước khi ra khỏi cảng.	01 hệ thống	Mương lắng lọc có kích thước 6 x 3 x 2m, có lưới chắn rác, thể tích 36 m ³ , được chia làm 3 ngăn gồm ngăn chứa, ngăn lắng và lọc, tại ngăn chứa có bố trí hệ thống tách dầu.
II	Công trình xử lý khí thải		
1	Đối với hàng than: Hệ thống băng tải kín, khu vực sàng nghiền kín, nhà kho		

TT	Tên công trình	Số lượng	Quy mô/công suất
	kín, xe tải chuyên dụng có nắp thùng hàng kín.		
2	Hệ thống chống bụi trong các kho than kín, khu sàng nghiền kín	01 hệ thống	- Hệ thống máy bơm áp lực cao. - Hệ thống béc phun sương giảm bụi. - Hệ thống cảm biến bụi trong nhà kho và sàng nghiền. - Hệ thống điều khiển
III	Công trình thu gom chất thải rắn		
1	01 trạm gom trạm thu gom rác gồm 03 ngăn: 01 ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt là 2,5x5 m, chất thải rắn thông thường 2,5x5 m, chất thải nguy hại là 5x5 m	01 trạm	50 m ²

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, tình hình thu gom và xử lý chất thải, chứng từ chuyển giao chất thải.
- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và nguy hại.
- Thực hiện theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt khu vực thi công

- Thông số: pH, DO, COD, BOD₅, TSS, amoni, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Crom (IV), tổng Crom, dầu mỡ, Coliform.
- Địa điểm giám sát: 02 vị trí tại vùng nước mặt khu vực nạo vét (01 vị trí tại khu vực nạo vét luồng và 01 vị trí khu vực nạo vét khu bên), 01 vị trí về phía hạ lưu và 01 vị trí về phía thượng lưu khu vực nạo vét; 01 vị trí khu vực cửa xả.
- Tần suất giám sát: giám sát 01 lần/tháng trong thời gian nạo vét.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3. Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 03 lần trong suốt quá trình thi công.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực cống xả nước rỉ từ khu vực bãi chứa vật chất nạo vét.



- Thông số giám sát: TSS, dầu mỡ, BOD5, COD, Amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.4. Giám sát chất lượng vật liệu nạo vét

- Địa điểm giám sát: 03 vị trí tại khu vực nạo vét (01 vị trí nạo vét khu vực bến, 02 vị trí nạo vét khu vực luồng vào bến), 03 vị trí tại khu vực đổ vật chất nạo vét.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong suốt quá trình nạo vét.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, Tổng dầu, As, Cd, Pb, Zn, Hg, Crôm.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại QCVN 07:2009/BTNMT.

5.1.5. Giám sát sạt lở bờ sông trong quá trình nạo vét và an toàn công trình tại bãi tiếp nhận vật, chất nạo vét

- Có biện pháp giám sát diễn biến đường bờ hai bên sông, thường xuyên theo dõi dấu hiệu sạt lở hoặc bồi tụ tại khu vực nạo vét và vị trí bãi tiếp nhận vật chất nạo vét.

- Phối hợp với các đơn vị có chức năng thường xuyên giám sát an toàn các công trình bảo vệ môi trường (đê bao, ô lắng, cửa xả) tại vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét.

5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Trong giai đoạn vận hành thương mại

5.3.1. Giám sát chất thải

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, tình hình thu gom và xử lý chất thải, chứng từ chuyển giao chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và nguy hại.

- Thực hiện theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.3.2. Giám sát chất lượng không khí

- Thông số chọn lọc: Bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Địa điểm giám sát: 04 vị trí (khu vực bến cảng, khu vực sàng nghiền, khu vực bãi hàng và khu vực nhà văn phòng)

- Tần suất giám sát: giám sát 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.3.3. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ, Coliform.

- Địa điểm giám sát: 01 vị trí cửa xả nước tại trạm xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường.

- Tần suất giám sát: giám sát 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B - QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3.4. Giám sát chất lượng nước sau bể lọc

- Thông số chọn lọc: độ pH, COD, BOD₅, TSS, tổng Coliform, tổng dầu, tổng Nitơ, tổng P.

- Địa điểm giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại bể lọc trước khi xả ra môi trường, 01 vị trí cửa xả sau bể lọc của dự án)

- Tần suất giám sát: giám sát 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

6.2. Cam kết thực hiện vận chuyển, đổ chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

6.3. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.4. Chỉ được đi vào vận hành sau khi đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.



6.6. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.7. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.8. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.9. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo UBND thị xã Phú Mỹ, Sở Tài nguyên và Môi trường, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.10. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.11. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.